

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 001509

Trang : 1/2

Môn học: **Hệ thống điện thân xe (233059) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **21/04/2022**

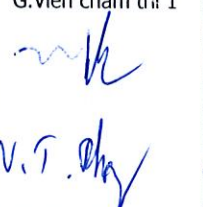
Giờ: **12:30**

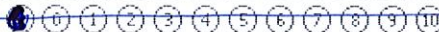
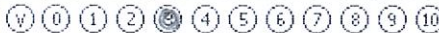
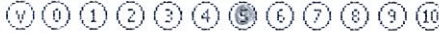
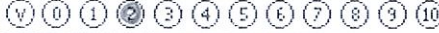
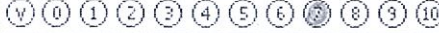
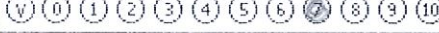
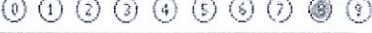
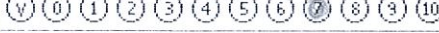
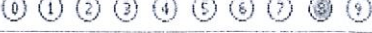
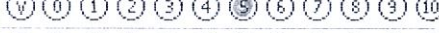
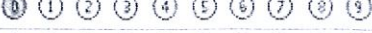
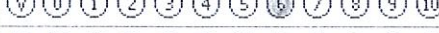
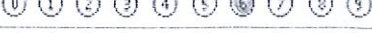
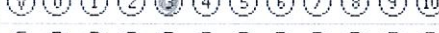
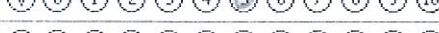
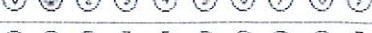
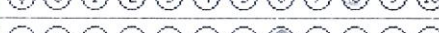
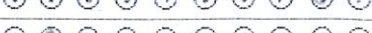
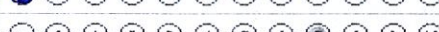
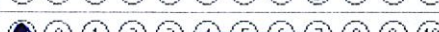
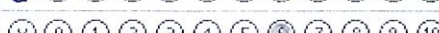
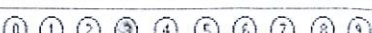
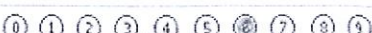
Phòng thi: **D5-31**

Số SV có mặt: **28**.....

Số bài thi: **28**.....

Số tờ giấy thi: **28**.....

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
			

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2121172012	NGUYỄN QUỐC AN	18/04/2003	CCQ2117LA								
2	2121172021	LÝ PHƯƠNG HỮU	17/02/2002	CCQ2117LA		1	chi	5,0	2,5	3,5		
3	2121172017	VÕ DUY	19/10/2003	CCQ2117LA		1	duy	5,0	6,5	5,9		
4	2121172033	LƯƠNG VÕ TRƯỜNG	28/06/2003	CCQ2117LA		1	Truong	4,3	1,0	2,3		
5	2121172032	NGUYỄN MINH	14/05/2003	CCQ2117LA		1	Minh	7,0	7,0	7,0		
6	2121172014	HÀ VĂN	05/03/2003	CCQ2117LA		1	Hau	6,7	8,5	7,8		
7	2121172010	LÊ TRUNG	05/09/2003	CCQ2117LA		1	Hieu	6,0	9,0	7,8		
8	2121172018	LÊ GIA	26/01/2003	CCQ2117LA		1	Gia	5,0	5,0	5,0		
9	2121172026	NGUYỄN QUỐC HUY	09/09/2003	CCQ2117LA		1	Huy	5,3	7,5	6,6		
10	2121172023	PHẠM ĐÌNH	02/02/2003	CCQ2117LA		1	Pham	4,7	2,0	3,1		
11	2121172013	LÊ HOÀNG	01/10/2003	CCQ2117LA		1	Hoang	6,0	4,5	5,1		
12	2121172016	HOÀNG VĂN	26/02/2003	CCQ2117LA		1	Van	5,3	6,5	6,0		
13	2121172029	NGUYỄN CÔNG	09/12/2003	CCQ2117LA		1	Cong	7,0	10,0	8,8		
14	2121172015	PHÙNG MINH	31/03/2003	CCQ2117LA		1	Phung	6,2	6,0	6,1		
15	2121172022	TRẦN TRỌNG	04/06/2003	CCQ2117LA								
16	2121172005	NGUYỄN HẢI TRUNG	13/07/1999	CCQ2117LA		2	Nhan	5,0	9,5	7,7		
17	2121172031	VƯƠNG TRUNG	03/04/2003	CCQ2117LA								
18	2121172011	NGUYỄN CÔNG	21/09/2003	CCQ2117LA		1	Cong	5,7	7,5	6,8		
19	2121170050	PHẠM TẤN	30/03/2003	CCQ2117LA		1	Tan	5,7	10,0	8,3		
20	2121172001	NGUYỄN HỮU	28/04/2003	CCQ2117LA		1	Huu	4,7	4,5	4,6		

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 001509

Trang : 2/2

Môn học: **Hệ thống điện thân xe (233059) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **21/04/2022**

Giờ: **12:30**

Phòng thi: **D5-31**

Số SV có mặt: 28

Số bài thi: 28

Số tờ giấy thi: 29

Cán bộ coi thi 1 	Cán bộ coi thi 2 	G.Viên chấm thi 1 	G.Viên chấm thi 2 
			

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2121172009	VÕ LÊ THANH THÁI	04/12/2003	CCQ2117LA		1	Thái	6,7	9,5	8,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2121172004	VÕ TẤN THÀNH	19/06/2003	CCQ2117LA		1	Thành	7,3	9,0	8,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2121172020	DƯƠNG NGUYỄN VĨNH THUẬN	19/12/2003	CCQ2117LA		1	Thuận	6,3	6,0	6,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2121172002	PHẠM ĐỨC TÍN	07/11/2003	CCQ2117LA		1	Tín	5,0	6,5	5,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2121172019	NGUYỄN QUỐC TRUNG	29/10/2003	CCQ2117LA		1	Trung	4,3	7,5	6,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	2121172024	HẮC NGỌC TUẤN	17/01/2003	CCQ2117LA		1	Tuấn	6,0	7,5	6,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	2121172008	TRẦN QUANG TUẤN	11/08/2003	CCQ2117LA		1	Tuấn	4,7	5,0	4,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	2121172003	NGUYỄN CÔNG THANH TÙNG	08/01/2003	CCQ2117LA		1	Tùng	4,7	4,0	4,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	2121172028	TRẦN ĐÌNH VĂN	19/06/2003	CCQ2117LA		1	Văn	5,7	8,0	7,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	2121172027	TRẦN VĂN VŨ	20/05/2002	CCQ2117LA		1	Vũ	5,3	4,0	4,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	2121172030	PHẠM TRƯỜNG VŨ	17/01/2003	CCQ2117LA		1	Vũ	5,3	5,0	5,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9